

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Số: 1004/NHN-0-KDVT

V/v: Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi
trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2023

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN
GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG**
**PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S
PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS**

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính/Following the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the
Minister of Finance)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.**

**To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.**

**I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and
interest payments**

Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022/Reporting period from
01/01/2022 to 31/12/2022

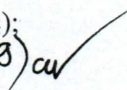
Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.

**II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond
ownership according to the type of investors**

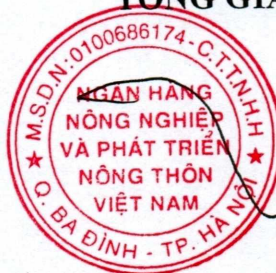
Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022/Reporting period from
01/01/2022 to 31/12/2022

Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Hội đồng thành viên (đề b/c);
- Lưu: VP, PC, KDVT. (19) 

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Toàn Vượng

PHỤ LỤC I

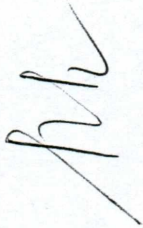
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU AGRIBANK RA CÔNG CHÚNG

(Kỳ báo cáo từ 01/01/2022 đến 31/12/2022)

(Đính kèm CV số .../2023/CKNN-TVTCĐN ngày 27/01/2023)

TT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư đầu kỳ		Thanh toán trong kỳ		Đơn vị: Đồng	
					Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
1	Agribank182801	10 năm	25/12/2018	25/12/2028	3.961.937.000.000	1.449.041.550	0	263.761.694.150	3.961.937.000.000	1.159.904.055
2	Agribank192601	7 năm	24/09/2019	24/09/2026	4.997.673.000.000	288.203.400	0	336.514.392.900	4.997.673.000.000	1.334.496.740
3	Agribank202703	7 năm	24/12/2020	24/12/2027	4.617.921.000.000	2.134.534.400	0	317.038.947.650	4.617.921.000.000	2.804.240.605
4	VBA121033	7 năm	31/12/2021	31/12/2028	1.769.146.000.000	-	0	55.558.950.681	1.769.146.000.000	87.888.638
	Tổng cộng				15.346.677.000.000	3.871.779.350	0	972.873.985.381	15.346.677.000.000	5.386.530.038

NGƯỜI LẬP



Ngô Thị Thúy Như

KIỂM SOÁT



Lê Thị Thu Hà

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Xuân Hoàn

368
GÂN
NG
PH
NÔNG
VIỆ
ĐINH

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NẮM GIỮ TRÁI PHIẾU THEO CƠ CẤU NHÀ ĐẦU TƯ

(Kỳ báo cáo từ 01/01/2022 đến 31/12/2022)

Loại Nhà đầu tư	Dự nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dự nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Agribank 182801						
I. Nhà đầu tư trong nước	3,960,277,000,000	99.96%	0	0%	3,960,577,000,000	99.97%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	129,675,000,000	3.274%	2,450,000,000	1.89%	132,125,000,000	3.336%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác	129,675,000,000	100%	2,450,000,000	1.89%	132,125,000,000	100%
2. Nhà đầu tư cá nhân	3,830,602,000,000	96.726%	(2,150,000,000)	-0.06%	3,828,452,000,000	96.664%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	1,660,000,000	0.04%	(300,000,000)	-18%	1,360,000,000	0.03%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	200,000,000	12%	(200,000,000)		-	0%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác	200,000,000	100%	(200,000,000)	-100.00%		
2. Nhà đầu tư cá nhân	1,460,000,000	88%	(100,000,000)	-6.85%	1,360,000,000	100%
Tổng	3,961,937,000,000	100%	(300,000,000)	-0.01%	3,961,937,000,000	100%
Agribank 192601						
I. Nhà đầu tư trong nước	4,971,743,000,000	99.48%	-	0%	4,971,743,000,000	99.48%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	685,245,000,000	13.78%	(9,400,000,000)	-1.37%	675,845,000,000	13.59%
a) Tổ chức tín dụng					-	
b) Quỹ đầu tư					-	
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm	14,706,000,000	2%	33,400,000,000		33,400,000,000	5%
đ) Các tổ chức khác	670,539,000,000	98%	145,000,000,000	985.99%	159,706,000,000	24%
2. Nhà đầu tư cá nhân	4,286,498,000,000	86.22%	(187,800,000,000)	-28.01%	482,739,000,000	71%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	25,930,000,000	0.52%	0	0.22%	4,295,898,000,000	86.41%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	10,000,000,000	39%	0	0%	25,930,000,000	0.52%
					10,000,000,000	39%

Loại Nhà đầu tư	Dự nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dự nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
a) Tổ chức tín dụng					-	
b) Quỹ đầu tư					-	
c) Công ty chứng khoán					-	
d) Công ty bảo hiểm					-	
đ) Các tổ chức khác	10,000,000,000	100%	-	0%	10,000,000,000	100%
2. Nhà đầu tư cá nhân	15,930,000,000	61%	-	0%	15,930,000,000	61%
Tổng	4,997,673,000,000	100%	0	0%	4,997,673,000,000	100%
Agribank 202703						
I. Nhà đầu tư trong nước	4,583,036,000,000	99.24%	-	0%	4,583,036,000,000	99.24%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	473,335,000,000	10.33%	8,000,000,000	1.69%	481,335,000,000	11%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm	50,000,000,000	11%	-	0.00%	50,000,000,000	10%
đ) Các tổ chức khác	423,335,000,000	89%	8,000,000,000	1.89%	431,335,000,000	90%
2. Nhà đầu tư cá nhân	4,109,701,000,000	89.67%	(8,000,000,000)	-0.19%	4,101,701,000,000	89%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	34,885,000,000	0.76%	0	0%	34,885,000,000	0.76%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	24,000,000,000	69%	0	0%	24,000,000,000	69%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác	24,000,000,000	100%	0	0%	24,000,000,000	100%
2. Nhà đầu tư cá nhân	10,885,000,000	31%	0	0%	10,885,000,000	31%
Tổng	4,617,921,000,000	100%	0	0%	4,617,921,000,000	100%

LẬP BẢNG

Ngô Thị Thúy Như
Ngô Thị Thúy Như

KIỂM SOÁT

Lê Thị Thu Hà
Lê Thị Thu Hà

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Hoàn
Đinh Xuân Hoàn

